

## BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

### 1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty Cổ Phần XNK Hàm Rồng.
- 1.2. Địa chỉ: 1028/43 Tân Kỳ Tân Quý, P. Bình Hưng Hòa, Q. Bình Tân, TP HCM
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác<sup>(+)</sup>:
- 1.4. Nhãn hiệu: YAMAHA
- 1.5. Tên thương mại: MIO M3 125
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): LNS125
- 1.7. Số giấy chứng nhận<sup>(2)</sup>: 22KXM/323041
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 5841/NECT-M/22/C, ngày 13/9/2022

### 2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 92 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 247 (kg)
- 2.3. Động cơ
  - 2.3.1. Kiểu động cơ: E3R2E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.
  - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 125 cm<sup>3</sup>.
  - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 7/8000 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~:<sup>(1)</sup>
- 2.5. Hộp số
  - 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~/Tự động<sup>(1)</sup>
  - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp
  - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 10,156.
- 2.7. Lốp
  - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 70/90-14M/C 34P áp suất lốp: 200 kPa
  - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 80/90-14M/C 46P áp suất lốp: 280 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: km/h

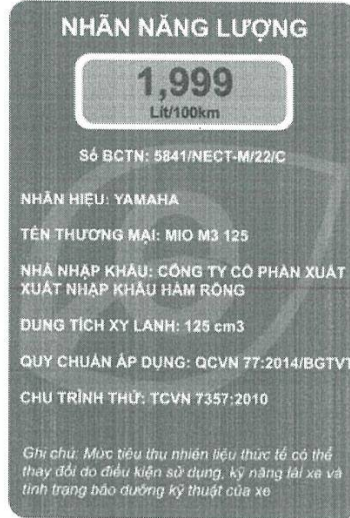
### 3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

- 3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ ~~TCVN 7358:2010~~/ TCVN 9726:2013/.<sup>(1)</sup>



3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,999 l/100km

**4. Mẫu nhãn năng lượng công khai**



**5. Ghi chú (nếu có):**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2022

**Công ty Cổ Phần XNK Hàm Rồng**



Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm